

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2025/HNGĐ-ST

Ngày 25/9/2025

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Nguyệt;

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Bá Thành và bà Vũ Thị Lan Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Bắc Ninh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lâm, Kiểm sát viên, ông Lê Huy Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 25/9/2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 9- Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 174/2025/TLST-HNGĐ ngày 18/4/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/8/2025, quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/QĐST - HNGĐ ngày 10/9/2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1990; Có mặt

- *Bị đơn:* Chị Ngô Thị T, sinh năm 1988; Có mặt

Cùng HKTT: Thôn Đ, xã Ng, thị xã Th, tỉnh Bắc Ninh nay là tổ dân phố Đ, phường X, tỉnh Bắc Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th – luật sư công ty luật TNHH MTV FC Việt Nam – Bắc Ninh. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các bản khai, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn K trình bày: Anh kết hôn với chị Ngô Thị T ngày 01/10/2018 tại UBND xã Ng, huyện Th, tỉnh Bắc Ninh nay là UBND phường X, tỉnh Bắc Ninh. Trước khi kết hôn, anh chị có thời gian tìm hiểu. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc tại Đ, Ng, nay là Đ, X, Bắc Ninh.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh vì vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến xô xát, gia đình phải can thiệp nhiều lần. Vợ chồng đã sống ly thân khoảng 4 năm nay. Khi ly thân, mặc dù vợ chồng có nhà riêng nhưng anh vẫn thuê nhà ở địa phương sinh sống vì vợ chồng bất đồng nên không thể ở chung 1 nhà. Anh đã nộp đơn ly hôn chị T 2 lần nhưng sau đó đều rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ nhưng

không thành. Hiện anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên anh xin ly hôn chị T.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Tuấn D, sinh ngày 02/3/2018; Nguyễn Tuấn Kh, sinh ngày 23/6/2020. Hiện các cháu khoẻ mạnh và đang ở cùng chị T và bố mẹ đẻ anh tại ngôi nhà chung của vợ chồng anh. Ly hôn, anh xin nuôi 1 cháu, chị T nuôi 1 cháu, chị T lựa chọn cháu nào thì anh đều tôn trọng. Anh hiện làm tự do và có thu nhập khoảng hơn 10 triệu đồng/ tháng nên có đủ khả năng nuôi con. Sau khi ly hôn, anh và chị T cùng có quyền đi lại thăm nom con chung.

Tài sản chung: Vợ chồng có 01 ngôi nhà 03 tầng xây dựng năm 2016 nhưng anh không đề nghị toà án giải quyết.

Nợ chung: Anh xác định không có nên không đề nghị toà án giải quyết.

Án phí: Anh đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nhất trí với lời trình bày của nguyên đơn. Đề nghị toà án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh K và phân chia việc nuôi dưỡng đối với 02 con chung của anh K và chị T.

Bị đơn là chị Ngô Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn K ngày 01/10/2018 tại UBND xã Ng, huyện Th, tỉnh Bắc Ninh, nay là UBND phường X, tỉnh Bắc Ninh. (Trước đó anh chị đã được 2 gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương từ năm 2016). Trước khi kết hôn vợ chồng có thời gian tự nguyện tìm hiểu nhau, không ai ép buộc kết hôn.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh vì anh K ngoại tình với người phụ nữ khác tên là Tuyên (tên gọi khác là Thương), quê quán ở Thái Nguyên, hiện anh K đang sinh sống với người phụ nữ này. Hơn nữa quá trình chung sống, anh K không chịu làm ăn lo lắng cho gia đình, vợ con. Vợ chồng có to tiếng. Thời gian phát sinh mâu thuẫn khoảng năm 2022. Khi phát sinh mâu thuẫn gia đình có can thiệp nhưng không có kết quả. Vợ chồng không đánh cãi chửi nhau nên địa phương không phải can thiệp. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2024. Anh K thuê nhà ở nơi khác sinh sống với người phụ nữ kia. Hiện chị thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, có khả năng đoàn tụ, chị vẫn tha thứ cho anh K để anh K quay về với gia đình nên chị không đồng ý ly hôn. Chị xác định anh K một mực xin ly hôn chị vì bị người phụ nữ kia xúi giục. Hai lần trước anh K nộp đơn ly hôn và rút đơn cũng vì anh K và người phụ nữ đó chưa thống nhất được có thể chung sống với nhau hay không. Hiện nay người phụ nữ này đang mang thai nên ép buộc anh K ly hôn để kết hôn với cô ấy.

Con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Tuấn D, sinh ngày 02/3/2018; Nguyễn Tuấn Kh, sinh ngày 23/6/2020. Hiện các cháu khoẻ mạnh và đang ở với chị. Trường hợp phải ly hôn chị xin nuôi cả 2 con. Chị hiện làm công nhân có thu nhập hàng tháng là 10 triệu đồng nên có đủ khả năng nuôi con. Anh K không có công ăn việc làm, không biết chữ, bản thân anh K đã đi tù nên không thể nuôi con, dạy dỗ con được. Chị đề nghị anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 03 triệu đồng/ tháng/2 con. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2025 đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Anh K có quyền đi lại thăm nom con chung.

Tài sản chung: Vợ chồng có 01 ngôi nhà 03 tầng xây dựng năm 2016 tại tổ dân phố Đ trên đất mang tên bố mẹ chồng chị. Chị và anh K tự thương lượng giải quyết, không đề nghị toà án giải quyết.

Án phí: Đề nghị toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, toà án tiến hành lấy lời khai của mẹ anh Nguyễn Văn K là bà Vũ Thị T1 thể hiện anh Nguyễn Văn K, chị Ngô Thị T kết hôn đúng quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, anh K, chị T phát sinh mâu thuẫn vì anh K ngoại tình với người phụ nữ khác tên là Tuyên khoảng 2 năm nay, hiện chị T2 đang mang thai. Chị T2 là người gốc ở Thái Nguyên nhưng hộ khẩu ở Đắc Lắc. Hiện tại, anh K vẫn qua lại với người phụ nữ này. Gia đình đã khuyên can nhưng anh K không từ bỏ người phụ nữ đó. Bà Tiếp đề nghị toà án không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh K.

Toà án tiến hành xác minh tại địa phương, Chi hội trưởng hội phụ nữ tổ dân phố Đ và Tổ trưởng tổ dân phố Đ xác định chi hội phụ nữ cũng như tổ dân phố chưa phải hoà giải mâu thuẫn giữa anh K và chị T. Theo thông tin mà chi hội phụ nữ, tổ dân phố thăm nắm được anh K xin ly hôn chị T vì anh K có quan hệ với người phụ nữ khác, hiện anh K đã đưa người phụ nữ này về ở trong ngôi nhà của bố mẹ anh K xây cho anh trai anh K là anh Hường. Người phụ nữ hiện đã sinh con.

Qua lời trình bày của hàng xóm gần gia đình anh Nguyễn Văn K xác định mấy năm nay anh K, chị T không sống chung một nhà, mỗi người ở một nơi, không quan tâm chăm sóc nhau.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Các bên đương sự giữ nguyên lời trình bày của mình.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án là đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn tham gia phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Các Điều 9, 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 107, 110 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án; xét xử:

- Anh Nguyễn Văn K được ly hôn chị Ngô Thị T.

- Con chung: Giao con chung là Nguyễn Tuấn D, sinh ngày 02/3/2018 và Nguyễn Tuấn Kh, sinh ngày 23/6/2020 cho chị Ngô Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Sau khi ly hôn, anh K có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 03 triệu đồng/ tháng/2 con. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2025 đến khi 2 con chung đủ 18 tuổi.

- Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không đề nghị giải quyết.

- Án phí: Anh Nguyễn Văn K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố Đ, phường X, tỉnh Bắc Ninh thuộc địa bàn của Toà án nhân dân khu vực 9 – Bắc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Bắc Ninh theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 4, nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, do đó Tòa án thị xã Th nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 – Bắc Ninh thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. Quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn K và chị Ngô Thị T được UBND xã Ng, huyện Th, tỉnh Bắc Ninh, nay là UBND phường X, tỉnh Bắc Ninh cho đăng ký kết hôn ngày 01/10/2018 theo đúng quy định của pháp luật nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Anh K và chị T đều xác nhận quá trình chung sống giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh K trình bày là vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra xô xát, gia đình phải can thiệp nhiều lần. Vợ chồng đã sống ly thân 2 năm nay. Trong thời gian ly thân anh đã gửi đơn ly hôn đến toà án 2 lần để ly hôn chị T nhưng sau đó rút đơn ly hôn vào tháng 6/2024 và tháng 02/2025 để vợ chồng đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện, vì vậy anh đã chung sống với người phụ nữ khác. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ nên anh K xin ly hôn chị T. Chị T không đồng ý ly hôn mà xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn có khả năng đoàn tụ dù vợ chồng đã sống ly thân. Việc anh chị sống ly thân là do anh K không chung thủy mà ngoại tình với người phụ nữ khác, địa phương cũng xác nhận sự việc anh K ngoại tình, chị đã cung cấp thông tin đầy đủ của người phụ nữ này cho toà án. Chị vẫn tha thứ cho anh K nhưng anh K không về nhà chung sống với chị.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì *vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

Trên thực tế, anh K, chị T mâu thuẫn, đã sống ly thân từ năm 2024 đến nay. Sau khi rút đơn ly hôn 02 lần, anh K, chị T vẫn không đoàn tụ được. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh K và chị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian sống ly thân đã lâu nên HĐXX cần cho anh K được ly hôn chị T là phù hợp.

Con chung: Anh K, chị T cùng xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Tuấn D, sinh ngày 02/3/2018 và Nguyễn Tuấn Kh, sinh ngày 23/6/2020, hiện các cháu khoẻ mạnh và ở cùng chị T từ khi ly thân đến nay. Xét thấy, 02 cháu còn

nhỏ và bước và tuổi học chữ rất quan trọng nên cần có sự quan tâm sát sao của bố mẹ để các cháu có thể học tập tốt. Bản thân anh K không biết chữ nên việc kèm cặp các cháu học hành là khó khăn. Do vậy cần giao cả 02 con chung cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Sau khi ly hôn anh K có quyền đi lại thăm nom con chung.

Cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy chị Ngô Thị T đề nghị toà án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, anh Nguyễn Văn K có thu nhập, đủ khả năng nuôi con. Do vậy, cần buộc anh Nguyễn Văn K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị T là 03 triệu đồng/ tháng/ 02 con. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2025 đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

Tài sản chung: Anh K, chị T xác định vợ chồng có tài sản chung là ngôi nhà 02 tầng trên đất của bố mẹ anh K nhưng hiện anh chị không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Nợ chung: Anh K, chị T không đề nghị toà án giải quyết.

[3]. Án phí: Anh Nguyễn Văn K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu về điều luật áp dụng và đường lối xử lý là phù hợp pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 91, 144, 147, 235, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 107, 110 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn K được ly hôn chị Ngô Thị T.

- Con chung: Giao con chung là Nguyễn Tuấn D, sinh ngày 02/3/2018 và Nguyễn Tuấn Kh, sinh ngày 23/6/2020 cho chị Ngô Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn K có quyền đi lại thăm nom con chung.

Cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị T là 03 triệu đồng/ tháng/ 02 con. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2025 đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

- Tài sản chung: Các đương sự không đề nghị toà án giải quyết.

2. Án phí: Anh Nguyễn Văn K phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số BLTU/24/ 0001738 ngày 18/4/2025 của Chi

cục thi hành án dân sự thị xã Th, tỉnh Bắc Ninh, nay là phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – Bắc Ninh. Anh K còn phải nộp 300.000đ.

3. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 BLTTDS: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án, VKS tỉnh Bắc Ninh;
- VKS và phòng THADS KV9 – Bắc Ninh;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND phường X, tỉnh Bắc Ninh
(KH số 59 ngày 01/10/2018)
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký
Vũ Thị Minh Nguyệt**